

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2021/HSST
Ngày 04-8-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Chí Công**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Lan**

Bà **Nguyễn Thị Mỹ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Khánh Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hùng** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST – HS ngày 19 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Văn D, sinh ngày 07/02/1993 tại tỉnh Gia Lai; trú tại: làng O, xã Ia, huyện I, tỉnh G; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: học lớp 6/12; con ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị Đ; vợ là Lò Thị T, sinh năm 1992 và có 01 con; về nhân thân: ngày 16/3/2013 bị UBND thành phố P áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, ngày 08/3/2016 bị TAND huyện I ra Quyết định biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; tiền sự: không; tiền án: Ngày 03/6/2018 bị Tòa án nhân dân huyện I xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 04/8/2020 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống; bị cáo bị bắt tạm giữ và tạm giam từ ngày 12/3/2021 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Ông **Hoàng Văn C**, sinh năm 1990; trú tại làng O, xã I, huyện Ia, tỉnh G (có mặt);

+ Ông **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1979; trú tại thôn T, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai (có mặt);

+ Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989; trú tại làng O, xã I, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai (có mặt);

+ Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1974; trú tại làng O, xã I, huyện I, tỉnh G (có mặt).

- *Người làm chứng*: Ông **Nguyễn Văn B** sinh năm 1985; trú tại làng G xã I huyện I, tỉnh G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 02 và tháng 3/2021 Trần Văn D đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 16 giờ ngày 18/02/2021, Trần Văn Duy đi bộ qua nhà anh Hoàng Văn C (là anh họ của D) thì thấy cửa nhà anh C không đóng nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Sau đó, D lén lút đi vào phòng ngủ của anh Cảnh thì thấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A50 màu đen-xanh của anh C đang để trên bàn nên D lấy bỏ vào túi quần. Sau đó, D lục trong áo khoác đang để trên giường của anh C thì phát hiện thấy 01 ví da màu đen nên Duy lấy trộm rồi đi ra bằng cửa sau nhà anh C, khi kiểm tra ví mới trộm được trong đó có 4.300.000đ và một số giấy tờ tùy thân rồi đi bộ đến thị trấn I. D lấy số tiền trên, còn ví tiền cùng giấy tờ tùy thân của anh C đem giấu ở đường đất thuộc tổ dân phố 2, thị trấn I rồi đón xe khách lên TP. P chơi và bán điện thoại di động trên cho 01 người ở TP. P (không rõ nhân thân, lai lịch) được 1.100.000đ tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 17/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ia Grai kết luận:

01 điện thoại di động Samsung A50 màu đen-xanh đã qua sử dụng vào ngày 18/02/2021 trị giá 2.700.000đ.

01 ví da màu đen có chữ LEVI'S đã qua sử dụng vào thời điểm ngày 18/02/2021 trị giá 250.000đ.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 10 giờ ngày 04/3/2021, D đi bộ đến rẫy chanh dây Làn O, xã I, huyện I của anh Nguyễn Đức T thì phát hiện thấy 01 chiếc xe mô tô hiệu Siva BKS: 81F4-5074 của anh T đang dựng ở đường đất, chìa khóa cắm trên xe không có người trông coi nên trộm cắp chiếc xe trên rồi đem đi bán cho một người mua phê liệu dạo (không rõ nhân thân, lai lịch) ở khu vực xã I, huyện I được 600.000đ tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thì chiếc xe mô tô nhãn hiệu SIVA màu nâu đã qua sử dụng vào thời điểm ngày 04/3/2021 có giá trị 5.100.000đ.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 10 giờ không rõ ngày nào trong tháng 3/2021, D đi bộ đến rẫy cà phê ở làng O của anh Nguyễn Văn T thì phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đen, xám BKS: 81V1 - 076.49 không có người trông coi

nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên để bản lấy tiền tiêu xài. Sau đó, D sử dụng chìa khóa xe của D tra vào ổ khóa xe trên thì mở được và đã trộm cắp chiếc xe này.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐGTS ngày 19/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ia Grai kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu bạc BKS: 81V1 - 076.49, đã qua sử dụng vào thời điểm tháng 3/2021 có giá trị 8.000.000đ.

Vụ thứ tư: Sau khi trộm cắp được chiếc xe mô tô BKS: 81V1 - 076,49 nêu trên, trên đường đi tiêu thụ, khi đến khu vực rẫy cà phê của anh Nguyễn Văn C ở thôn T, xã B, huyện Ia, D phát hiện thấy 01 xe mô tô hiệu LEVER màu nâu BKS: 81H1 - 2129 không có người trông coi, lúc này sợ chiếc xe hiệu Yamaha Jupiter màu đen - xám BKS: 81V1 - 076.49 mới lấy trộm sẽ không tiêu thụ được do không có giấy tờ xe nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô hiệu LEVER màu nâu BKS: 81H1 - 2129 đã cũ để dễ tiêu thụ hơn. D đã bỏ lại chiếc xe Yamaha Jupiter BKS: 81V1 - 076.49 vừa trộm được ở đường đất và đi bộ vào đường lô cà phê của anh Nguyễn Văn C lấy trộm chiếc xe mô tô hiệu LEVER màu nâu BKS: 81H - 2129 trên rồi điều khiển đến khu vực xã I bán cho một người mua phế liệu dạo được số tiền là 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) rồi tiêu xài cá nhân hết. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐGTS ngày 20/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện I kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu LEVER màu nâu BKS: 81H1-2129, đã qua sử dụng vào thời điểm tháng 3/2021 có giá trị 2.000.000đ.

Tổng cộng giá trị tài sản trong 04 vụ mà bị can Trần Văn D trộm cắp là 22.350.000đ.

Về xử lý vật chứng:

Đối với ví da màu đen có chữ LEVI'S đã qua sử dụng, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Hoàng Văn C.

Đối với xe mô tô SIVA màu nâu BKS: 81F4-5074 và xe mô tô nhãn hiệu LEVER màu nâu BKS: 81H1-2129 không thu hồi được.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu bạc BKS: 81V1 - 076.49 anh T đã tìm được.

Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Hoàng Văn C và ông Nguyễn Đức T thấy bị cáo không có tài sản nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

- Ông Nguyễn Văn T tự tìm lại xe mô tô nên không yêu cầu bồi thường.

- Ông Nguyễn Văn C yêu cầu bị cáo bồi thường 2.000.000đ trị giá chiếc xe bị chiếm đoạt.

Tại bản Cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 24/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Trần Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Trình bày luận tội, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự : Xử phạt bị cáo từ 30 tháng đến 36 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị buộc bị cáo bồi thường 2.000.000đ cho ông Nguyễn Văn C.

Truy thu của bị cáo số tiền 7.000.000đ (do ông C không yêu cầu bị cáo bồi thường) và 5.100.000đ (do ông T không yêu cầu bị cáo bồi thường); ngoài ra còn đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ia Grai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Bị cáo Trần Văn D khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung cáo trạng đã mô tả, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả thực nghiệm điều tra. Nên đủ cơ sở để nhận định: Trong khoảng thời gian từ tháng 2/2021 đến tháng 3/2021 bị cáo Trần Văn D một mình thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn xã I, huyện I, tỉnh G với tổng giá trị tài sản là 23.350.000đ. Do vậy bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 04 lần lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại và mỗi lần đều đã đủ yếu tố cấu thành một tội độc lập, do vậy bị cáo phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2018/HSST ngày 24/8/2018 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Ia Grai xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 14/8/2020 chấp hành xong hình phạt. Bị cáo phạm tội lần này khi chưa được xóa án tích nên phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra ông C là bị hại có đề nghị HĐXX giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ cũng như tăng nặng trách nhiệm hình sự, cần thiết phải có hình

phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt đồng thời cũng là để răn đe và phòng ngừa chung.

[3]. Bị cáo khai sau khi trộm cắp hai xe mô tô BKS 81F4-5074 và xe mô tô nhãn hiệu LEVER màu nâu BKS: 81H1-2129 đã đem bán cho những người mua phế liệu dạo. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được nên không có căn cứ xử lý. Cơ quan CSĐT tiếp tục xác minh khi xác định được sẽ xử lý theo quy định.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với số tiền 4.300.000đ và chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A50 màu đen mà bị cáo trộm cắp của ông Hoàng Văn C. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, ông C thấy bị cáo không có tài sản nên cho bị cáo và không yêu cầu phải bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu SiVa BKS 81F4-5074 trị giá 5.100.000đ mà bị cáo trộm cắp của ông Nguyễn Đức T và đã bán cho người thu mua phế liệu, hiện không thu hồi được. Tại phiên tòa ông T thấy bị cáo không có tài sản nên cho bị cáo và không yêu cầu phải bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu LEVER, BKS 81H1-2129 trị giá 2.000.000đ mà bị cáo trộm cắp của ông Nguyễn Văn C và đem bán cho người thu mua phế liệu, hiện không thu hồi được. Tại phiên tòa ông C yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá chiếc xe nói trên là 2.000.000đ. Do vậy căn cứ vào Điều 46 Bộ luật hình sự, các điều 584 và 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho ông C.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, BKS 81-076.49 của ông Nguyễn Văn T, hiện tại ông T đã nhận được và không có yêu cầu bồi thường gì nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Trần Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 200.000đ và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Trần Văn D** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn D **32 (ba mươi hai)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/3/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 584 và 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Trần Văn D phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn Cận **2.000.000đ** (hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Trần Văn D phải chịu **200.000đ** (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và **300.000đ** (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Công an huyện Ia Grai;
- Cơ quan THAHS;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Lưu hồ sơ/VP.

Đặng Chí Công